

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VENEZA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VENEZA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2301094703

3. Ngày thành lập: 25/06/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 01, Nguyễn Xí, Phường Vũ Ninh, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0947059366

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác gỗ	0220
2.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
3.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
4.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
5.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
6.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
7.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
8.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
9.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
10.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
11.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
12.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
13.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
14.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
15.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
16.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
17.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
18.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
19.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
20.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731

21.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
22.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
23.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
24.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
25.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
26.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
27.	Cơ sở lưu trú khác	5590
28.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
29.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
30.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
31.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
32.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
33.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
34.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
35.	Thu gom rác thải độc hại	3812
36.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
37.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
38.	Tái chế phế liệu	3830
39.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
40.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
41.	Xây dựng nhà không để ở	4102
42.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
43.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
44.	Xây dựng công trình điện	4221
45.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
46.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
47.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
48.	Xây dựng công trình thủy	4291
49.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
50.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
51.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
52.	Phá dỡ	4311
53.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
54.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
55.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
56.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
57.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

58.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
59.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
60.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
61.	Bán buôn thực phẩm	4632
62.	Bán buôn đồ uống	4633
63.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
64.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
65.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
66.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
67.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
68.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
69.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
70.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
71.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
72.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
73.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
74.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
75.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
76.	Bốc xếp hàng hóa	5224
77.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
78.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
79.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
80.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
81.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
82.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
83.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
84.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
85.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
86.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
87.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
88.	Dịch vụ điều tra	8030
89.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129

90.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
91.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
92.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
93.	Cho thuê xe có động cơ	7710
94.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121